TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 /9/2025
Về vụ:Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Lê và bà Phan Thị Thúy Hằng.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1979;

**Bị đơn*: bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983;

Đồng địa chỉ: thôn Phú Sen Đ, xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Định T, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã Phú H) năm 2004. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà H có nhiều phát ngôn không đúng chuẩn mực dẫn đến xúc phạm ông T, nhiều lần ông T tha thứ nhưng bà H không thay đổi, nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày thêm trầm trọng, dẫn đến không còn sống chung với nhau từ ngày 20/6/2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T không còn tình cảm gì

với bà H, không thể tiếp tục chung sống với bà H được nữa; nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H đển ổn định cuộc sống của hai bên.

- Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/3/2009 và Nguyễn Thị Vân T, sinh ngày 12/6/2005, hiện nay con T đã trưởng thành, nên ly hôn ông T không yêu cầu gì; đối với con tên Nguyễn Hoàng Minh Đ ông T đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000/tháng.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông T kết hôn giống như lời trình bày của ông T, bà H thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ lặt vặt với nhau và tự hàn gắn được. Bà thừa nhận vào ngày 20/6/2025 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do việc đưa mẹ chồng đi ăn đám cưới, ông T bỏ nhà đi và từ đó đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà H không chấp nhận ly hôn. Vì còn thương ông T, muốn để cùng nhau nuôi dạy con cho tốt.

- Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/3/2009 và Nguyễn Thị Vân T, sinh ngày 12/6/2005, hiện nay con Tin đã trưởng bà H không yêu cầu gì; đối với con tên Nguyễn Hoàng Minh Đ, nếu ly hôn bà đồng ý nuôi con, còn việc cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu thì đó là quyền của ông T.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn V trình bày: ông V cho rằng mâu thuẫn của hai con T, H có xảy ra là thực tế, ông khuyên can hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông T; ông Nguyễn Đình T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

-Về con chung: đối với con chung Nguyễn Thị Vân T, sinh ngày 12/6/2005 đã trưởng thành ông T, bà H không yêu cầu nên không xem xét. Con chung Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/3/2009 bà H đang trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc và cháu Đ có nguyện vọng sống cùng với bà H và ông T cũng thống nhất giao con cho bà H. Do đó, để tạo điều kiện cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, nên giao con tên Nguyễn Hoàng Minh Đ cho bà H nuôi dưỡng chăm sóc.Về cấp dưỡng nuôi con: tuy bà H không yêu cầu, nhưng để cho cháu có cuộc sống tốt hơn, nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của ông T cho cháu Đ mỗi tháng 2.000.000đồng là phù hợp.

Ông Nguyễn Đình T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: ông T, bà H không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: bà Nguyễn Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phú Sen Đ, xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk; do đó vụ án ly hôn giữa nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và bị đơn bà Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk theo các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Định T, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (nay UBND xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk) vào số 43/2004 ngày 06 tháng 8 năm 2004. Đây là hôn nhân hợp pháp; tuy nhiên trong quá trình chung sống, ông T và bà H xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do giữa hai bên không hợp nhau, không cùng quan điểm sống nên xảy ra kình cãi, dù đã được gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra và kéo dài, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà xa nhau từ tháng 6/2025 đến nay; nên ông T xin ly hôn. Đối với bà Nguyễn Thị H cho rằng còn thương ông T, nhưng thực tế trong quá trình chung sống mâu thuẫn được gia đình hòa giải nhưng không thành và tại Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng không thể nào hàn gắn được. Bà H chỉ trình bày không chấp nhận ly hôn và đưa ra lý do còn thương chồng con, thực tế trong thời gian hai bên xa nhau và thời gian ông T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, bà H không thăm hỏi chồng. Điều đó thể hiện bà H không có thiện chí để muốn hàn gắn tình cảm thực sự với ông T. Chỉ đưa ra lý do nhằm gây khó khăn trong việc xin ly hôn của ông T. Nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông T và bà H xảy ra, nhưng không ai có giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, dù có duy trì hôn nhân giữa ông T với bà H về mặt pháp lý, thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm

trọng, đời sống chung không còn tồn tại; nên xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Đình T ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: con chung Nguyễn Thị Vân T, sinh ngày 12/6/2005 đã trưởng thành ông T, bà H không yêu cầu nên không xem xét. Đối với con tên Đ xét thấy ông T, bà H thống nhất giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cháu Đ có nguyện vọng sống cùng với bà H. Do đó, để tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, nên giao con Nguyễn Hoàng Minh Đ cho bà H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: tuy bà H không yêu cầu, nhưng để cho cháu có cuộc sống tốt hơn, nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Tđối với cháu Đ mỗi tháng 2.000.000đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24 và 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T: ông Nguyễn Đình T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/3/2009 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Ông Nguyễn Đình T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng).* Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2025 cho đến khi xảy ra một trong những căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Đình Tkhông trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: ông Nguyễn Đình T phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu tiền số 0002319 ngày 21/8/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Nên ông Nguyễn Đình T còn phải tiếp tục nộp 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13,
- T.H.A DS tỉnh 13;
- UBND xã Phú H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Nguyễn Ngọc Hoan